**Chi tiết thủ tục hành chính**

**Mã thủ tục:** 1.005018

**Số quyết định:** 3003/QĐ-UBND

**Tên thủ tục:** Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo

**Cấp thực hiện:** Cấp Bộ, Cấp Tỉnh, Cơ quan khác

**Loại thủ tục:** TTHC được luật giao quy định chi tiết

**Lĩnh vực:** Đăng kiểm

**Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ nghiệm thu, cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo đến Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc đơn vị đăng kiểm xe cơ giới (cơ quan nghiệm thu cải tạo).

**b) Giải quyết TTHC:**

- Cơ quan nghiệm thu tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: Nếu thành phần hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trong 02 ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác);

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cơ quan nghiệm thu tiến hành nghiệm thu xe cơ giới cải tạo. Nếu kết quả nghiệm thu đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận cải tạo cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc nghiệm thu. Trường hợp không cấp, cơ quan nghiệm thu thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân ngay trong ngày làm việc sau khi có kết quả nghiệm thu.

**Cách thức thực hiện:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức nộp** | **Thời hạn giải quyết** | **Phí, lệ phí** | **Mô tả** |
| Trực tiếp | 2 Ngày làm việc | Lệ phí : 40.000 Đồng (Lệ phí cấp Giấy chứng nhận 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận)  Lệ phí : 90.0000 Đồng (Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với ô tô con dưới 10 chỗ 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận)  Mức giá : 560.000 Đồng (Thay đổi hệ thống, tổng thành xe cơ giới, xe máy chuyên dùng 560.000 đồng/xe)  Mức giá : 910.000 Đồng (Thay đổi mục đích sử dụng (công dụng) của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng 910.000 đồng/xe) | - Nếu kết quả nghiệm thu đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận cải tạo cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc nghiệm thu. Trường hợp không cấp, cơ quan nghiệm thu thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân ngay trong ngày làm việc sau khi có kết quả nghiệm thu. |
| Trực tuyến | 2 Ngày làm việc | Mức giá : 560.000 Đồng (Thay đổi hệ thống, tổng thành xe cơ giới, xe máy chuyên dùng 560.000 đồng/xe)  Lệ phí : 40.000 Đồng (Lệ phí cấp Giấy chứng nhận 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận)  Lệ phí : 90.000 Đồng (Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với ô tô con dưới 10 chỗ 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận)  Mức giá : 910.000 Đồng (Thay đổi mục đích sử dụng (công dụng) của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng 910.000 đồng/xe) | - Nếu kết quả nghiệm thu đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận cải tạo cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc nghiệm thu. Trường hợp không cấp, cơ quan nghiệm thu thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân ngay trong ngày làm việc sau khi có kết quả nghiệm thu. |
| Dịch vụ bưu chính | 2 Ngày làm việc | Lệ phí : 40.000 Đồng (Lệ phí cấp Giấy chứng nhận 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận)  Lệ phí : 90.000 Đồng (Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với ô tô con dưới 10 chỗ 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận)  Mức giá : 560.000 Đồng (Thay đổi hệ thống, tổng thành xe cơ giới, xe máy chuyên dùng 560.000 đông/xe)  Mức giá : 910.000 Đồng (Thay đổi mục đích sử dụng (công dụng) của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng 910.000 đồng/xe) | - Nếu kết quả nghiệm thu đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận cải tạo cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc nghiệm thu. Trường hợp không cấp, cơ quan nghiệm thu thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân ngay trong ngày làm việc sau khi có kết quả nghiệm thu. |

**Thành phần hồ sơ:**

**Bao gồm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên giấy tờ** | **Mẫu đơn, tờ khai** | **Số lượng** |
| - Văn bản đề nghị nghiệm thu xe cơ giới cải tạo theo mẫu; | Mẫu.docx | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Thiết kế đã được thẩm định bản chính hoặc thiết kế đã được thẩm định bản điện tử (đối với kết quả thẩm định thiết kế được trả thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến). Đối với trường hợp miễn thiết kế quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 6 Điều 6 của Thông tư 85/2014/TT-BGTVT phải có bản vẽ tổng thể xe cơ giới sau cải tạo do cơ sở cải tạo lập; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Ảnh tổng thể chụp góc khoảng 45 độ phía trước và phía sau góc đối diện của xe cơ giới sau cải tạo; ảnh chụp chi tiết các hệ thống, tổng thành cải tạo; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Biên bản nghiệm thu xuất xưởng xe cơ giới cải tạo; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Bảng kê các tổng thành, hệ thống thay thế mới theo mẫu; | Mẫu.docx | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Bản sao có xác nhận của cơ sở cải tạo các tài liệu thông số, tính năng kỹ thuật của xe cơ giới cải tạo và các tổng thành, hệ thống cải tạo, thay thế và tài liệu xác nhận nguồn gốc của các hệ thống, tổng thành cải tạo; |  | Bản chính: 0 Bản sao: 1 |
| - Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với cần cẩu, xi téc chở hàng nguy hiểm, xi téc chở khí nén, khí hóa lỏng và các thiết bị chuyên dùng theo quy định ((Đối với các xe cơ giới cải tạo có cùng nhãn hiệu, số loại, thông số kỹ thuật và do cùng một cơ sở cải tạo thi công thì được sử dụng cùng một thiết kế, việc nghiệm thu do cùng một cơ quan nghiệm thu thực hiệnthì không phải nộp thành phần hồ sơ này); |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Văn bản của cơ quan thẩm định thiết kế về việc đồng ý cho sử dụng thiết kế đã được thẩm định để thi công cải tạo (đối với các xe cơ giới cải tạo có cùng nhãn hiệu, số loại, thông số kỹ thuật và do cùng một cơ sở cải tạo thi công thì được sử dụng cùng một thiết kế, việc nghiệm thu do cùng một cơ quan nghiệm thu thực hiện). |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

**Đối tượng thực hiện:** Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã

**Cơ quan thực hiện:** Cục Đăng kiểm Việt Nam, Các đơn vị đăng kiểm

**Cơ quan có thẩm quyền:** Cục Đăng kiểm Việt Nam, Các đơn vị đăng kiểm

**Địa chỉ tiếp nhận HS:** Không có thông tin

**Cơ quan được ủy quyền:** Không có thông tin

**Cơ quan phối hợp:** Không có thông tin

**Kết quả thực hiện:** Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo

**Căn cứ pháp lý:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số ký hiệu** | **Trích yếu** | **Ngày ban hành** | **Cơ quan ban hành** |
| 199/2016/TT-BTC | Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn | 08-11-2016 | Bộ Tài chính |
| 238/2016/TT-BTC | Quy định vé giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới | 11-11-2016 | Bộ Tài chính |
| 85/2014/TT-BGT | Thông tư số 85/2014/TT-BGT | 31-12-2014 |  |
| 16/2022/TT-BGTVT | Thông tư 16/2022/TT-BGTVT | 30-06-2022 |  |
| 36/2022/TT-BTC | Thông tư 36/2022/TT-BTC | 16-06-2022 |  |

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện:** Đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT.

**Từ khóa:** Không có thông tin

**Mô tả:** Không có thông tin